Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-04-13 16:01:51 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam

Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 2 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 03/2019/TT-NHNN ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2019.

2. Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh số 06/2013/PLUBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam[1,2].

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện các quy định về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

[1] Thông tư số 03/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam."

[2] Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính."

1. Tổ chức, cá nhân là người cư trú, người không cư trú có hoạt động ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân là người cư trú có liên quan đến việc quản lý, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong hoạt động ngoại hối.

Điều 3. Nguyên tắc hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam

Trên lãnh thổ Việt Nam, trừ các trường hợp được sử dụng ngoại hối quy định tại Điều 4 Thông tư này, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác (bao gồm cả quy đổi hoặc điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ, giá trị của hợp đồng, thỏa thuận) của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối.

Điều 4. Các trường hợp được sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam

1. Cơ quan hải quan, công an, bộ đội biên phòng và các cơ quan Nhà nước khác tại các cửa khẩu của Việt Nam và kho ngoại quan được niêm yết bằng ngoại tệ và thu bằng ngoại tệ chuyển khoản hoặc tiền mặt từ người không cư trú đối với các loại thuế, phí thị thực xuất nhập cảnh, phí cung ứng dịch vụ và các loại phí, lệ phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng được phép) được giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận bằng ngoại hối trong phạm vi kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức khác được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối được giao dịch và niêm yết bằng ngoại tệ trong phạm vi cung ứng dịch vụ ngoại hối đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Người cư trú là tổ chức có tư cách pháp nhân được điều chuyển vốn nội bộ bằng ngoại tệ chuyển khoản giữa tài khoản của tổ chức đó với tài khoản của đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân và ngược lại.

5. Người cư trú được góp vốn bằng ngoại tệ chuyển khoản để thực hiện dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

6. Người cư trú thực hiện hợp đồng ủy thác nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định sau:

a) Người cư trú nhận ủy thác nhập khẩu được ghi giá trong hợp đồng ủy thác nhập khẩu bằng ngoại tệ và nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản đối với giá trị hợp đồng nhập khẩu từ bên ủy thác nhập khẩu;

b) Người cư trú nhận ủy thác xuất khẩu được ghi giá trong hợp đồng ủy thác xuất khẩu bằng ngoại tệ và thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản đối với giá trị hợp đồng xuất khẩu cho bên ủy thác xuất khẩu.

7. Người cư trú là nhà thầu trong nước, nhà thầu nước ngoài thực hiện theo quy định sau:

a) Đối với chi phí ngoài nước liên quan đến việc thực hiện gói thầu thông qua đấu thầu quốc tế theo quy định tại Luật Đấu thầu: nhà thầu được chào thầu bằng ngoại tệ và nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản từ chủ đầu tư, nhà thầu chính để thanh toán, chi trả và chuyển ra nước ngoài.

b) Đối với việc thực hiện gói thầu theo quy định của pháp luật về dầu khí: nhà thầu được chào thầu bằng ngoại tệ và nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản từ chủ đầu tư, nhà thầu chính để thanh toán, chi trả và chuyển ra nước ngoài.

8. Người cư trú là doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện theo quy định sau:

a) Được báo giá, định giá, ghi giá dịch vụ bảo hiểm trong hợp đồng bằng ngoại tệ và nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản từ bên mua bảo hiểm đối với hàng hóa, dịch vụ phải mua tái bảo hiểm ở nước ngoài;

b) Trường hợp phát sinh tổn thất đối với phần tái bảo hiểm ra nước ngoài, người cư trú là tổ chức mua bảo hiểm được nhận số tiền bồi thường bằng ngoại tệ chuyển khoản từ công ty tái bảo hiểm nước ngoài thông qua doanh nghiệp bảo hiểm để thanh toán các chi phí khắc phục tổn thất ở nước ngoài.

9. Người cư trú là tổ chức kinh doanh hàng miễn thuế được niêm yết giá hàng hóa bằng ngoại tệ và nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản hoặc tiền mặt từ việc cung cấp hàng hóa. Ngoại tệ sử dụng trong giao dịch tại cửa hàng miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bán hàng miễn thuế.

10. Người cư trú là tổ chức cung ứng dịch vụ ở khu cách ly tại các cửa khẩu quốc tế, tổ chức kinh doanh kho ngoại quan được niêm yết, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ và nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản hoặc tiền mặt từ việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ.

11. Người cư trú là tổ chức làm đại lý cho hãng vận tải nước ngoài trên cơ sở hợp đồng đại lý ký kết giữa hai bên thực hiện theo quy định sau:

a) Được thay mặt cho hãng vận tải nước ngoài báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ đối với cước phí vận tải hàng hóa quốc tế. Việc thanh toán phải thực hiện bằng đồng Việt Nam;

b) Được chi hộ bằng ngoại tệ chuyển khoản để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ tại cảng biển quốc tế, khu cách ly tại sân bay quốc tế;

c) Được chi hộ bằng ngoại tệ tiền mặt để trả lương, thưởng, phụ cấp cho người không cư trú do hãng tàu biển nước ngoài ủy quyền.

12. Người cư trú là doanh nghiệp chế xuất thực hiện theo quy định sau:

a) Được ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ và thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản khi mua hàng hóa từ thị trường nội địa để sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp hàng xuất khẩu hoặc để xuất khẩu, trừ hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu. Doanh nghiệp trong nước được báo giá, định giá bằng ngoại tệ và nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản khi bán hàng hóa cho doanh nghiệp chế xuất;

b) Được báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ và thanh toán, nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản với doanh nghiệp chế xuất khác.

13. Người cư trú là tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực vận chuyển hàng không, khách sạn, du lịch được niêm yết, quảng cáo giá hàng hóa, dịch vụ bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ tương đương trên trang tin điện tử, ấn phẩm chuyên ngành (không bao gồm thực đơn và bảng giá dịch vụ) chỉ sử dụng tiếng nước ngoài.

14. Người cư trú, người không cư trú là tổ chức được thỏa thuận và trả lương, thưởng, phụ cấp trong hợp đồng lao động bằng ngoại tệ chuyển khoản hoặc tiền mặt cho người không cư trú và người cư trú là người nước ngoài làm việc cho chính tổ chức đó.

15. Người không cư trú là cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự được niêm yết bằng ngoại tệ và thu phí thị thực xuất nhập cảnh, các loại phí, lệ phí khác bằng ngoại tệ chuyển khoản hoặc tiền mặt.

16. Người không cư trú thực hiện theo quy định sau:

a) Được chuyển khoản bằng ngoại tệ cho người không cư trú khác;

b) Được ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ và thanh toán tiền xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ bằng ngoại tệ chuyển khoản cho người cư trú. Người cư trú được báo giá, định giá bằng ngoại tệ và nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho người không cư trú.

c)[3] Nhà đầu tư nước ngoài được đặt cọc, ký quỹ bằng ngoại tệ chuyển khoản khi tham gia đấu giá trong các trường hợp sau:

(i) Mua cổ phần tại doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

(ii) Mua cổ phần, phần vốn góp của nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

(iii) Mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác thực hiện thoái vốn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trường hợp trúng đấu giá, nhà đầu tư nước ngoài thực hiện chuyển vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối để thanh toán giá trị mua cổ phần, phần vốn góp. Trường hợp đấu giá không thành công, nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài số tiền đặt cọc, ký quỹ bằng ngoại tệ sau khi đã trừ đi các chi phí phát sinh liên quan (nếu có).

17.[4] Đối với các trường hợp liên quan đến an ninh, quốc phòng, dầu khí và các trường hợp cần thiết khác, tổ chức được phép sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) xem xét, chấp thuận bằng văn bản căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất cần thiết của từng trường hợp theo hồ sơ, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 4a Thông tư này.

---

[3] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 03/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2019.

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

Điều 4a. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam[5]

1. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ:

a) Hồ sơ đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ là 03 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tuyến hoặc kể từ khi Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp thủ tục hành chính chưa được cung cấp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố, có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

d) Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF);

đ) Các tài liệu trong hồ sơ giấy thực hiện như sau:

- Đơn đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam phải là bản gốc hoặc bản chính;

- Hợp đồng, thỏa thuận, văn bản do tổ chức ký kết hoặc ban hành là bản gốc, bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức về việc sao từ bản chính;

- Các tài liệu khác trong thành phần hồ sơ là bản gốc, bản chính, bản sao từ

[5] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực;

e) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp hợp đồng, thỏa thuận, văn bản do tổ chức ký kết hoặc ban hành thì tổ chức được tự dịch và xác nhận, chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch;

g) Tổ chức chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin nêu tại hồ sơ đề nghị."

2. Tổ chức có nhu cầu sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản trình bày sự cần thiết sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam kèm theo các hồ sơ, tài liệu chứng minh.

3. Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất cần thiết của từng trường hợp để xem xét cấp văn bản chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản từ chối chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam và nêu rõ lý do.

Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam

1. Tổ chức tín dụng được phép và tổ chức khác được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm túc và hướng dẫn khách hàng thực hiện các quy định tại Thông tư này;

b) Kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế theo quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức và cá nhân có liên quan khác có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định tại Thông tư này.

Điều 6. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Thông tư này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản thi hành[6,7]

---

[6] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 03/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2019 quy định như sau:

"Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2019"

[7] Điều 36 và Điều 37 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025, quy định như sau:

*"**Điều 36. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các văn bản, quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư 16/2015/TT-NHNN ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN;

b) Thông tư số 23/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật để phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

c) Khoản 3, khoản 4, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 1, khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 9 Điều 2 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân;

d) Khoản 4, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 34, khoản 26, khoản 28, khoản 29, khoản 31, khoản 32, khoản 33, khoản 35 Điều 1, Điều 2 Thông tư 28/2016/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2014/TT-NHNN;

đ) Điều 3 Thông tư 17/2018/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

e) Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1, Điều 3 Thông tư số 15/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 2 năm 2014.

2.[8] Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng được phép, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

---

g) Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 24/2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.

Điều 37. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

Phụ lục [9]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC
Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày....tháng....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN SỬ DỤNG NGOẠI HỐI TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)
Tên tổ chức:
Địa chỉ:
Số điện thoại:
Mã số doanh nghiệp: …
Mã định danh tổ chức (nếu có):
Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):
Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận cho … (Tên tổ chức) được sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam như sau:

1. Nội dung đề nghị:
2. Mục đích sử dụng ngoại hối:
3. Đề xuất, kiến nghị:

... (Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký tên, đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Số: 28/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2026

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

[9] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Điều 13 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.